# PHỤ LỤC

## THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG TỈNH GIA LAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 799 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

## PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| 01 | Xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả xét duyệt, thẩm định quyết toán năm | Quản lý ngân sách | Sở Tài chính; Đơn vị dự toán cấp I; Đơn vị sử dụng ngân sách; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. |
| 02 | Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách | Quản lý ngân sách | Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tài chính; Đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. |
| 03 | Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công | Tài chính đầu tư | Sở Tài chính |
| 04 | Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A | Y tế dự phòng | - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 05 | Công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, C thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh | Y tế dự phòng | - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 06 | Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố hết dịch truyền nhiễm nhóm A trên địa bàn tỉnh | Y tế dự phòng | - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 07 | Công bố hết dịch truyền nhiễm thuộc nhóm B, C trên địa bàn tỉnh | Y tế dự phòng | - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 08 | Áp dụng biện pháp cách ly y tế tại cơ sở, địa điểm khác (ngoại trừ tại nhà, tại cửa khẩu, cơ sở y tế) | Y tế dự phòng | - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Ban Chỉ đạo phòng chống dịch cấp tỉnh. |
| 09 | Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh | Y tế dự phòng | - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| | | | - Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 10 | Xét thăng hạng bác sỹ chính | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |
| 11 | Xét thăng hạng Bác sĩ y học dự phòng chính | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |
| 12 | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng chính | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |
| 13 | Xét thăng hạng Điều dưỡng hạng III | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |
| 14 | Xét thăng hạng Điều dưỡng hạng II | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |
| 15 | Xét thăng hạng Hộ sinh hạng III | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| 16 | Xét thăng hạng Hộ sinh hạng II | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |
| 17 | Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng III | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |
| 18 | Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng II | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế |
| 19 | Xét thăng hạng Dược sĩ | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |
| 20 | Xét thăng hạng Dược sĩ chính | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |
| 21 | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng III | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| 22 | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng II | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |
| 23 | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng III | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |
| 24 | Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng II | Tổ chức cán bộ | - Cơ quan thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành, địa phương có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế.<br>- Cơ quan giải quyết: Sở Y tế. |
| 25 | Xét công nhận quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh | Văn hóa | - Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 26 | Xét công nhận lại quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh | Văn hóa | - Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 27 | Xét tặng danh hiệu "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu" | Văn hóa | - Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 28 | Phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh | Mỹ thuật | - Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| 29 | Điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh | Mỹ thuật | - Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 30 | Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện | Thư viện | - Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 31 | Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện | Thư viện | - Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 32 | Thông báo giải thể thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện | Thư viện | - Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 33 | Cho phép in, sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.<br>- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 34 | Giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Các sở, ban, ngành tỉnh.<br>- Ủy ban nhân dân cấp huyện.<br>- Ủy ban nhân dân cấp xã. |
| 35 | Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; UBND cấp xã.<br>- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 36 | Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.<br>- Cơ quan quyết định: Ủy ban |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| | bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai | | nhân dân tỉnh. |
| 37 | Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Cơ quan thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh.<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 38 | Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức Việt Nam | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Các sở, ban, ngành;<br>- Ủy ban nhân dân cấp huyện. |
| 39 | Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có yếu tố nước ngoài tổ chức tại Gia Lai có nội dung bí mật nhà nước | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Cơ quan thực hiện: Cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ liên quan đến bí mật nhà nước.<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 40 | Thông báo gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Các sở, ban, ngành.<br>- Ủy ban nhân dân cấp huyện.<br>- Ủy ban nhân dân cấp xã. |
| 41 | Thông báo điều chỉnh độ mật của bí mật nhà nước | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Các sở, ban, ngành.<br>- Ủy ban nhân dân cấp huyện.<br>- Ủy ban nhân dân cấp xã. |
| 42 | Giải mật và thông báo giải mật (trường hợp hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước quy định tại Điều 19 và hết thời gian gia hạn quy định tại Điều 20 của Luật bảo vệ bí mật nhà nước; trường hợp không còn thuộc danh mục bí mật nhà nước) | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Các sở, ban, ngành.<br>- Ủy ban nhân dân cấp huyện.<br>- Ủy ban nhân dân cấp xã. |
| 43 | Giải mật và thông báo giải mật (Trường hợp đáp ứng yêu cầu thực tiễn bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; phát triển kinh tế - xã hội; hội nhập, hợp quốc tế) | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Các sở, ban, ngành.<br>- Ủy ban nhân dân cấp huyện.<br>- Ủy ban nhân dân cấp xã. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| 44 | Giải mật đối với bí mật nhà nước do Lưu trữ lịch sử lưu trữ mà không xác định được cơ quan xác định bí mật nhà nước | Bảo vệ bí mật nhà nước | Lưu trữ cấp tỉnh |
| 45 | Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trong trường hợp không cần thiết phải lưu giữ và việc tiêu huỷ không gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Các sở, ban, ngành.<br>- Ủy ban nhân dân cấp huyện.<br>- Ủy ban nhân dân cấp xã. |
| 46 | Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trong trường hợp nếu không tiêu huỷ ngay sẽ gây nguy hại cho lợi ích quốc gia, dân tộc | Bảo vệ bí mật nhà nước | - Các sở, ban, ngành.<br>- Ủy ban nhân dân cấp huyện.<br>- Ủy ban nhân dân cấp xã. |
| 47 | Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh | Bảo vệ thực vật | - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.<br>- Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 48 | Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh | Bảo vệ thực vật | - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.<br>- Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 49 | Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh | Trồng trọt | - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.<br>- Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 50 | Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh | Trồng trọt | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 51 | Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh Cơ quan cấp Sở | Ngoại giao | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.<br>- Cơ quan trình: Sở Ngoại vụ. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| | | | - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 52 | Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh UBND cấp huyện | Ngoại giao | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp huyện.<br>- Cơ quan trình: Sở Ngoại vụ.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 53 | Thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh UBND cấp xã biên giới | Ngoại giao | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.<br>- Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp.<br>- Cơ quan trình: Sở Ngoại vụ.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 54 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh Cơ quan cấp Sở | Ngoại giao | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.<br>- Cơ quan trình: Sở Ngoại vụ.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 55 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh UBND cấp huyện | Ngoại giao | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.<br>- Cơ quan trình: Sở Ngoại vụ.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 56 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh UBND cấp xã biên giới | Ngoại giao | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.<br>- Cơ quan trình: Sở Ngoại vụ.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 57 | Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh cơ quan cấp Sở | Ngoại giao | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.<br>- Cơ quan trình: Sở Ngoại vụ.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| 58 | Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh Ủy ban nhân dân cấp huyện | Ngoại giao | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.<br>- Cơ quan trình: Sở Ngoại vụ.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 59 | Thủ tục chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới | Ngoại giao | - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.<br>- Cơ quan trình: Sở Ngoại vụ.<br>- Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp.<br>- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 60 | Phê duyệt danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn | Giáo dục và Đào tạo | - Cơ quan thực hiện: Các cơ sở giáo dục phổ thông, các phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.<br>- Thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 61 | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn | Giáo dục và Đào tạo | - Cơ quan thực hiện: Các cơ sở giáo dục phổ thông, các phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.<br>- Thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 62 | Đánh giá mức độ chuyển đổi số của Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố; các trường trung học phổ thông; trường Phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp học cao nhất là trung học phổ thông) và cơ sở giáo dục thường xuyên | Giáo dục và Đào tạo | Các cơ sở giáo dục phổ thông; Sở Giáo dục và Đào tạo. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| 63 | Công nhận thư viện trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học phổ thông) đạt tiêu chuẩn Mức độ 1 | Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 64 | Công nhận thư viện trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học phổ thông) đạt tiêu chuẩn Mức độ 2 | Giáo dục và Đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 65 | Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh | Khoáng sản | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 66 | Di dời, phá dỡ mốc đo đạc | Đo đạc, bản đồ và viễn thám | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 67 | Tiêu hủy thông tin dữ liệu và sản phẩm đo đạc bản đồ | Đo đạc, bản đồ và viễn thám | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 68 | Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường | Tổng hợp | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 69 | Xây dựng danh mục các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| | thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra | | |
| 70 | Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 71 | Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 72 | Phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 73 | Lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nươc | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 74 | Điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc Điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 75 | Phê duyệt, công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 76 | Điều chỉnh dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| 77 | Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 78 | Phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 79 | Điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 80 | Phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 81 | Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 82 | Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 83 | Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|---|---|
| 84 | Phê duyệt quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 85 | Lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 86 | Điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp | Tài nguyên nước | - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường<br>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh |